

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông

Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	854	201	222	219	212
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	781 91.45%	187 93.03%	193 86.94%	200 91.32%	201 94.81%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	73 8.54%	14 6.97%	29 13.1%	19 8.68%	11 5.19%
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt/ Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	854	201	222	219	212
1	Tốt/Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	298 32.55%	69 34.33%	65 29.28%	64 29.22%	100 47.17%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	390 45.66%	87 43.28%	108 48.7%	100 45.7%	95 44.8%

3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	165 25.76%	45 22.39%	48 21.62%	55 25.11%	17 8.02%
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.11%	0	01 0.45%	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	854	201	222	219	212
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	853 99.41%	201 100%	221 99.6%	219 100%	212 100%
a	Học sinh Tốt/giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	306 35.83%	69 39.30 %	63 28.38%	64 29.22%	100 46.8%
b	Học sinh Khá/tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	390 35.48%	87 43.28%	108 48.64%	100 45.66%	95 44.81%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,11%	0	01 0.45%	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/31	0/3	0/12	0/8	1/8
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận	30	8	8	7	7

2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	212	0	0	0	212
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	212	0	0	0	212
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	100 47.17%	0	0	0	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	95 44.8%	0	0	0	95 44.8%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	17 8.02%	0	0	0	17 8.02%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	460/394	106/95	125/97	115/104	114/98
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	40	10	14	9	7

Quận 8, ngày 05 tháng 9 năm 2022



Nguyễn Văn Toại

